

Số: 542/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 703/2026/TLST-HN ngày 20 tháng 7 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hải H, sinh năm 1990;

Số CCCD: 079090005668;

Địa chỉ: Số I đường B, Khu phố B, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Mộng T, sinh năm 1991;

Số CCCD: 079191039373;

Địa chỉ: A T, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thụy Mộng T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thụy Mộng T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 16/2015, quyển số 01/2015 ngày

09/4/2015 tại U, Quận D (N là Phường X), thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thụy Mộng T cùng xác nhận ông, bà có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 15/4/2016 và trẻ Nguyễn Gia H2, sinh 11/10/2019. Sau khi ly hôn giao hai con chung cho ông Nguyễn Hải H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Hải H và bà Nguyễn Thụy Mộng T cùng xác nhận ông, bà không tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hòa giải thành hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, ông Nguyễn Hải H tự nguyện chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Hải H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0003881 ngày 17/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Hải H được hoàn lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân KV 1 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN



Đỗ Thị Bích Phượng